

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Kỹ thuật điện tử chuyên ngành Điện công nghiệp (228275) - Nhóm

Môn học: **01**

CBGD: **Đặng Văn Tín (280038)**

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1 <i>Thư</i> <i>Đặng Văn Tín</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Thư</i> <i>Đặng Văn Tín</i>	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	ĐẠT	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050038	DƯƠNG THÀNH	ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B			<i>Đạt</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050044	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B			<i>Hùng</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119050087	NGUYỄN VĂN	LỰC	03/08/2001	CCQ1905C			<i>Đức</i>			<i>6,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050049	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B			<i>Nguyễn</i>			<i>5,5</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050122	PHAN THANH	NHÂN	10/08/2000	CCQ1905D			<i>Nhân</i>			<i>5,5</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050052	SON	NHI	22/11/2002	CCQ2005B			<i>Nhi</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119050123	LÂM HÀ	PHI	31/03/2001	CCQ1905D			<i>Phi</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119050131	TRẦN NGỌC	SINH	15/09/2001	CCQ1905D			<i>Sinh.</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050058	VŨ ĐỨC	TÀI	15/10/2001	CCQ2005B			<i>Tài</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050128	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A			<i>Tiến</i>			<i>6,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050102	SƯ MINH	TỐT	22/09/1999	CCQ1905C			<i>Tốt</i>			<i>6,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050030	LÊ VĂN	THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A			<i>Thịnh</i>			<i>6,5</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119050104	LƯU TRƯỜNG	TY	21/05/2001	CCQ1905C			<i>Ty</i>			<i>6,5</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050069	NGUYỄN CHÍ	VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B			<i>Chi</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI	VŨ	06/07/2002	CCQ2005A			<i>Hoài</i>			<i>5,0</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9